

THÔNG TIN THU, CHI TÀI CHÍNH¹
Năm 2025

A. NỘI DUNG THU
1. Học phí

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí /người/năm học 2025 - 2026	Dự kiến học phí /1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiền sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành VII: Nhân văn, Khoa học Xã hội & Hành vi, Báo chí, Dịch vụ, Du lịch, Môi trường và An ninh Quốc phòng	Triệu đồng/năm	37,5	112,5
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành VII: Nhân văn, Khoa học Xã hội & Hành vi, Báo chí, Dịch vụ, Du lịch, Môi trường và An ninh Quốc phòng	Triệu đồng/năm	22,5	45
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành VII: Nhân văn, Khoa học Xã hội & Hành vi, Báo chí, Dịch vụ, Du lịch, Môi trường và An ninh Quốc phòng	Triệu đồng/năm	15	60
II	Học phí chính quy chương trình khác			
1	Tiền sĩ	Không có	Không có	Không có
2	Thạc sĩ	Không có	Không có	Không có
3	Đại học	Không có	Không có	Không có
III	Học phí hình thức vừa học vừa làm			
1	Liên thông giữa trình độ cao đẳng với trình độ đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành VII: Nhân văn, Khoa học Xã hội & Hành vi, Báo chí, Dịch vụ, Du lịch, Môi trường và An ninh Quốc phòng	Triệu đồng/năm	18	36
2	Liên thông giữa trình độ trung cấp với trình độ đại học	Triệu đồng/năm		



¹ Phục vụ công tác công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT; theo Điều 5 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT.

	Khối ngành VII: Nhân văn, Khoa học Xã hội & Hành vi, Báo chí, Dịch vụ, Du lịch, Môi trường và An ninh Quốc phòng	Triệu đồng/năm	18	54
3	Đại học (vừa học vừa làm)	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành VII: Nhân văn, Khoa học Xã hội & Hành vi, Báo chí, Dịch vụ, Du lịch, Môi trường và An ninh Quốc phòng	Triệu đồng/năm	18	72

2. Lệ phí

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2025
1	Thi lại	Ngàn đồng/tín chỉ	30

3. Tổng thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2025
A	Tổng thu hoạt động GDDT, khác	Tỷ đồng	103,037
I	Hỗ trợ chi TX từ NN/nhà ĐT - Nguồn tự chủ	Tỷ đồng	23,767
II	Thu giáo dục và đào tạo	Tỷ đồng	71,324
1	Học phí, lệ phí từ người học	Tỷ đồng	59,404
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	Tỷ đồng	0
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	Tỷ đồng	3,315
4	Thu khác	Tỷ đồng	8,605
III	Thu khoa học và công nghệ	Tỷ đồng	3,694
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN - NSNN cấp đề tài	Tỷ đồng	0,241
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	Tỷ đồng	3,453
3	Thu khác	Tỷ đồng	0
IV	Thu nhập khác (TN ròng), lãi TG	Tỷ đồng	4,252

B. NỘI DUNG CHI

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2025
I	Chi lương, thu nhập	Tỷ đồng	36,519
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	Tỷ đồng	24,279
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	Tỷ đồng	12,240
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	Tỷ đồng	30,881
1	Chi cho đào tạo	Tỷ đồng	24,915
2	Chi cho nghiên cứu	Tỷ đồng	3,988
3	Chi cho phát triển đội ngũ	Tỷ đồng	0,201
4	Chi phí chung và chi phí khác	Tỷ đồng	1,777
III	Chi hỗ trợ người học	Tỷ đồng	5,035
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	Tỷ đồng	4,498
2	Chi hoạt động nghiên cứu	Tỷ đồng	0,037
3	Chi hoạt động khác	Tỷ đồng	0,500
IV	Chi khác	Tỷ đồng	5,522

C. SỐ DƯ CÁC QUỸ THEO QUY ĐỊNH (năm 2025)

TT	Nội dung	Số dư (tỷ đồng)
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	35,530
2	Quỹ khen thưởng	1,010
3	Quỹ phúc lợi	2,351
4	Quỹ bổ sung thu nhập	13,026
5	Quỹ Khoa học công nghệ	4,325
6	Quỹ hỗ trợ sinh viên	0,589

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



Lâm Nhân

